

Bản án số: 219/2022/DSPT

Ngày: 26/09/2022

*Tranh chấp quyền sử dụng đất.
(lấn chiếm)*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc;

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Lạc;
Bà Trần Thị Ngọc Dung,

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Tình - Cán bộ
Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý: 109/TLPT- DS, ngày 10 tháng 05 năm 2022. Về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2022/DSST, ngày 16 tháng 03 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 234/2022/QĐ-PT, ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Ông Tào Văn Đ, sinh năm 1948 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

2/ Ông Tào Quang Nh, sinh năm 1963 (có mặt).

3/ Ông Tào Văn Ch, sinh năm 1964 (có mặt).

4/ Tào Kim X, sinh năm 1980 (có mặt).

5/ Tào Quang V, sinh năm 1983 (vắng mặt).

6/ Nguyễn Thị Th, sinh năm 1962 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Tam Bình - Vĩnh Long.

7/ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

8/ Ông Tào Quang Th1, sinh năm 1969 (có mặt).

9/ Ông Tào Quang Th2, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã P, huyện Tam Bình - Vĩnh Long.

10/ Chị Tào Ngọc Trúc Ph, sinh năm 1994 (vắng mặt).

- 11/ Anh Tào Văn Đ1, sinh năm 1982 (vắng mặt).
 - 12/ Anh Tào Văn L, sinh năm 1984 (vắng mặt).
 - 13/ Anh Tào Văn S1, sinh năm 1987 (vắng mặt).
 - 14/ Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1963 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: ấp C, xã T - Mang Thít - Vĩnh Long.

- *Bị đơn:*

- 1/ Bà Lương Thị M, sinh năm 1939 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Y, xã P, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.
- 2/ Bà Huỳnh Thị Ph1, sinh năm 1953 (vợ ông Lương Văn Phú).
- 3/ Chị Lương Thị Thu Th3, sinh năm 1983 (con ông Phú, vắng mặt).
- 4/ Chị Lương Thanh Q, sinh năm 1986 (con ông Phú, vắng mặt).
- 5/ Anh Lương Huy B, sinh năm 1989 (con ông Phú, vắng mặt).
6. Anh Lương Văn M1, sinh năm 1991 (con ông Phú, vắng mặt).
7. Chị Lương Thị Thu D, sinh năm 1994 (con ông Phú, vắng mặt).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị Ph1 (chết năm 2018).

- 1/ Chị Lương Thị Thu Th3, sinh năm 1983.
 - 2/ Chị Lương Thanh Q, sinh năm 1986.
 - 3/ Anh Lương Huy B, sinh năm 1989.
 - 4/ Anh Lương Văn M1, sinh năm 1991.
 - 5/ Chị Lương Thị Thu D, sinh năm 1994.
- Cùng địa chỉ: ấp H, xã T, huyện Tam Bình - Vĩnh Long.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- 1/ Ông Võ Văn Ch1, sinh năm 1959 (có mặt).
- Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ch1 : Ông Phùng Quang Th4, sinh năm 1969 (có mặt).

- Địa chỉ: khóm N, Phường C, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
- 2/ Bà Trần Thị M2, sinh năm 1967 (vắng mặt).
 - 3/ Anh Võ Nhật A, sinh năm 1989 (vắng mặt).
 - 4/ Chị Võ Thị Huỳnh A1, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị M2, anh Võ Nhật A và chị Võ Thị Huỳnh A1: Ông Võ Văn Ch1, sinh năm 1959 (có mặt).

- Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
- 5/ Ủy ban nhân dân huyện B (xin vắng mặt).
- Địa chỉ: Khóm M, thị trấn B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Nguyễn Thị Th - Nguyên đơn

Tào Văn Đ - Nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/8/2013, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/9/2016, 29/5/2017, 08/11/2019, 30/12/2021 và các tài liệu, chứng cứ khác có

trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các đồng nguyên đơn có bà Nguyễn Thị Th là người đại diện theo ủy quyền và bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Phần đất tranh chấp tại thửa 1585 và một phần thửa 1586 theo trích đo là thửa 113, diện tích 687,7 m², loại đất vườn và diện tích 303,3 m² do mở rộng Quốc lộ 1A, tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do ông Võ Văn Ch1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ ông Tào Quang L (chết 1985) và cụ Nguyễn Thị Th5 (chết năm 2015) là cha, mẹ và ông, bà của các đồng nguyên đơn được chế độ cũ cấp 03 ha đất, đất tọa lạc tại ấp Y, xã P, nay là ấp H, xã T, huyện Tam Bình (đã được cấp quyền sở hữu ngày 04/10/1966 do cụ L đứng tên).

Lúc sinh thời cụ L và cụ Th5 có tất cả là 07 người con ruột và 01 người con nuôi:

- 1/ Tào Quang Đ, sinh năm 1948
- 2/ Tào Quang H, sinh năm 1950 (chết 2003)
- 3/Tào Văn Q, sinh năm 1962 (chết năm 2010)
- 4/ Tào Quang Nh, sinh năm 1963
- 5/Tào Văn Ch, sinh năm 1964
- 6/ Tào Quang Th1, sinh năm 1969
- 7/ Tào Quang Th2, sinh năm 1972
- 8/ Nguyễn Thị S (con nuôi), sinh năm 1969

Năm 1977 Nhà nước vận động nhường cơm sẻ áo cho các hộ đi vùng kinh tế mới về quê sinh sống, trong đó có hộ của bà Lương Thị M được cấp diện tích là 900 m²; hộ ông Lương Văn T (cha của ông Lương Văn Ph2) diện tích là 100 m², tổng cộng là 1.000 m². Khi kê khai theo chỉ thị 299/TTG năm 1980 bà M, ông T kê khai đăng ký thửa 39, loại đất thổ cư, còn thửa 40, diện tích 4.260 m², loại đất 2 lúa do cụ L kê khai đăng ký.

Qua quá trình sử dụng gia đình ông Ph2 (chết 2011) lấn chiếm 1.197 m², lên liếp làm vườn. Đến tháng 8/1988 ông Ph2 chuyển nhượng cho ông Ch1 2.197 m².

Nay các nguyên đơn và bà Th yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 17/7/1988 giữa ông Ph2, bà M với ông Ch1 tại thửa cũ 1585 và một phần thửa cũ 1586 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 08/5/2018 và theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/9/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tam Bình là thửa 113, diện tích 687,7 m², loại đất vườn, tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do ông Võ Văn Ch1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu Tòa án công nhận diện tích 687,7 m² thuộc thửa số 113

(thửa cũ 1585 và một phần thửa cũ 1586), tờ bản đồ số 35 thuộc quyền sử dụng đất của bà Th; đồng thời yêu cầu ông Ch1 trả lại cho bà Th số tiền bồi thường đất do mở rộng Quốc lộ 1A, diện tích $303,3 \text{ m}^2 \times 558.000 \text{ đ/m}^2 = 169.241.400$ đồng.

- Bị đơn:

Bà Lương Thị M: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 196, Điều 208 và khoản 2 Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bà M, nhưng bà M không có ý kiến gì bằng văn bản và cũng không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Bà Huỳnh Thị Ph1, chị Lương Thị Thu Th3, chị Lương Thanh Q, anh Lương Huy B, anh Lương Văn M1, chị Lương Thị Thu D đều thống nhất trình bày: Vào năm 1975 cụ Lương Văn T là cha chồng của bà Ph ở vùng kinh tế mới về xã P, được chính quyền xã P cấp cho cụ T phần đất có diện tích khoảng 2000 m^2 . Khi cụ T qua đời để lại cho chồng bà Ph là ông Lương Văn Ph2 và bà Lương Thị M là chị của ông Ph2 toàn bộ phần đất nêu trên.

Đến năm 1988 ông Ph2, bà M chuyển nhượng lại cho ông Võ Văn Ch1 toàn bộ phần đất đã được nhà nước cấp có xác nhận của chính quyền và cũng không có ai tranh chấp, hiện nay phần đất này do ông Võ Văn Ch1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quản lý sử dụng. Ngoài ra bà Ph1 và các con của bà Ph1 không có ý kiến và yêu cầu gì.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Võ Văn Ch1 trình bày: Năm 1977 Nhà nước thực hiện chính sách về đất đai, hộ cụ L cho hộ cụ T 1.000 m^2 , tại thửa 39, sau đó vào năm 1987 ông Ph2 lấn chiếm 1.197 m^2 tại thửa 40. Đến năm 1988 ông Ph2 chuyển nhượng toàn bộ diện tích thửa 39 và một phần thửa 40 nêu trên cho ông Ch1 và cũng không ai tranh chấp đối với 02 thửa đất này. Hiện nay 02 thửa đất này tách thành 03 thửa: 1584, 1585 và 1586 có diện tích chung là 1.780 m^2 do ông Ch1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Nay ông Ch1 không đồng ý theo yêu cầu của các nguyên đơn và bà Th là vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 17/7/1988 giữa ông Ph2, bà M với ông Ch1 tại thửa 1585 và một phần thửa 1586 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 08/5/2018 và theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/9/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tam Bình là thửa 113, diện tích 687,7 m^2 , loại đất vườn, tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do ông Võ Văn Ch1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng và yêu cầu Tòa án công nhận diện tích 687,7 m^2 thuộc thửa số 113 (thửa cũ 1585 và một phần thửa cũ 1586), tờ bản đồ số 35 thuộc quyền sử dụng đất của bà Th; đồng thời yêu cầu ông Ch1 trả lại cho bà Th

số tiền bồi thường đất do mở rộng Quốc lộ 1A, diện tích $303,3 \text{ m}^2 \times 558.000 \text{ đ/m}^2 = 169.241.400 \text{ đồng}$.

2/ Bà Trần Thị M2, anh Võ Nhật A và chị Võ Thị Huỳnh A1: Thống nhất với lời trình bày của ông Ch1, không có ý kiến và yêu cầu gì.

3/ Chị Lương Thị Thu Th3, chị Lương Thanh Q, anh Lương Huy B, anh Lương Văn M1, chị Lương Thị Thu D vừa là người có quyền lợi và nghĩa liên quan vừa là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị Ph (chết 2018) đều thống nhất trình bày: Vào năm 1975 cụ Lương Văn T là cha của ông Lương Văn Ph2 là ông nội của chị Th3, chị Q, anh B, anh M1, chị D ở vùng kinh tế mới về xã P cũ (nay là xã T), được chính quyền xã P cấp cho cụ T phần đất có diện tích khoảng 2000 m^2 . Khi cụ T qua đời để lại cho ông Ph2 là cha của chị Th3, chị Q, anh B, anh M, chị D và bà Lương Thị M là chị của ông Ph2 toàn bộ phần đất nêu trên.

Đến năm 1988 ông Ph2, bà M chuyển nhượng lại cho ông Võ Văn Ch1 toàn bộ phần đất đã được nhà nước cấp có xác nhận của chính quyền và cũng không có ai tranh chấp, hiện nay phần đất này do ông Võ Văn Ch1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quản lý sử dụng. Ngoài ra các anh chị không có ý kiến và yêu cầu gì.

4/ Ủy ban nhân dân huyện B có ông Nguyễn Thanh V là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

+ Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 1584, 1585 và 1586, có diện tích chung là 1780 m^2 , tờ bản đồ số 7, do hộ ông Võ Văn Ch1 kê khai đăng ký, được Ủy ban nhân dân huyện Tam Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18/02/2004, đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long là đúng trình tự pháp luật về đất đai; đúng đối tượng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến ngày 24/02/2015, ông Ch1 làm đơn đề nghị đăng ký biến động quyền sử dụng theo Bản án số: 108/2012/DSPT, ngày 20/6/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long và được UBND huyện Tam Bình cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số thửa mới số 25, tờ bản đồ số 35, diện tích 1370 m^2 cấp ngày 14/4/2015; đến ngày 07/5/2015, ông Võ Văn Ch1 làm đơn xin tách thửa và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp đổi lại thành 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, cấp ngày 18/6/2015.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DSST, ngày 16/03/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, Quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 5 Điều 95; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 18 và khoản 1, 5 Điều 21 của Luật đất đai năm 1987;

Căn cứ Điều 697 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 4 Điều 15; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Th về việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ph2, bà M với ông Ch1 lập ngày 17/7/1988 tại thửa 113 (thửa cũ 1585 và một phần thửa cũ 1586), diện tích 687,7 m², loại đất vườn, tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do ông Võ Văn Ch1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 08/5/2018 và theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/9/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tam Bình và yêu cầu Tòa án công nhận diện tích 687,7 m² thuộc thửa mới số 113 (thửa cũ 1585 và một phần thửa cũ 1586), tờ bản đồ số 35 thuộc quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Th; đồng thời yêu cầu ông Võ Văn Ch1 trả lại cho bà Nguyễn Thị Th số tiền bồi thường đất do mở rộng Quốc lộ 1A là 169.241.400 đồng.

Do ông Ch1 không yêu cầu Tòa án công nhận phần đất tranh chấp thửa mới số 113, diện tích 687,7 m², loại đất vườn, tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do ông Võ Văn Ch1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng thuộc quyền sử dụng của ông Võ Văn Ch1 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị M cùng có nghĩa vụ với ông Lương Văn Ph2 và ông Võ Văn Ch1 trả cho bà Nguyễn Thị Th diện tích đất theo trích đo tại thửa số 113, diện tích 687,7 m², loại đất vườn, tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do ông Võ Văn Ch1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Ngày 30/03/2022 bà Th kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết:

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST, ngày 16/03/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình: Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 17/7/1988 giữa ông Ph2, bà M với ông Ch1 tại thửa đất 1585 và một phần thửa 1584(cũ) theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 08/05/2018 và theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/9/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tam Bình là thửa 113, diện tích 687,7m², loại đất vườn, tọa lạc tại xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long; công nhận phần đất diện tích 687,7m² cho bà Th; yêu cầu ông Ch1 trả lại bà Th số tiền bồi thường do mở rộng Quốc lộ 1A là 169.241.400 đồng.

Ngày 30/03/2022 ông Tào Văn Đ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày

17/7/1988 giữa ông Ph2, bà M với ông Ch1 tại thửa đất 1585 và một phần thửa 1584(cũ) theo trích đo bản đồ đại chính khu đất ngày 08/05/2018 và theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/9/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tam Bình là thửa 113, diện tích 687,7m², loại đất vườn, tọa lạc tại xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long; công nhận phần đất diện tích 687,7m² cho bà Th; yêu cầu ông Ch1 trả lại bà Th số tiền bồi thường do mở rộng Quốc lộ 1A là 169.241.400 đồng.

Tại phiên tòa bà Th trình bày: Bà Th xác định phần đất ông Ph2, bà M lấn chiếm là thửa đất số 40 do cụ Tào Quang L đăng ký trong sổ đăng ký ruộng đất nên yêu cầu ông Ch1 trả lại đất các con của cụ L.

Ông Võ Văn Ch1, đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn Ch1 là ông Phùng Quang Th4 trình bày: Không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà Th, ông Đ, yêu cầu giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình. Nếu trong trường hợp hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Ch1, ông Ph2, bà M vô hiệu thì những người con của ông Ph2 phải bồi thường cho ông Ch1.

Ông Tào Quang Nh, ông Tào Văn Ch, ông Tào Quang Th1 trình bày: Yêu cầu công nhận phần đất ông Ph2, bà M lấn chiếm là của cụ L và trả lại đất cho các con cụ L.

Chị Tào Kim X yêu cầu nhận thừa kế phần di sản của ông Tào Văn H được hưởng từ di sản của cụ L.

Trình bày phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay sự có mặt của các thành viên, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại phiên tòa phúc thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật TTDS năm 2015. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DSST ngày 16/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

- Về án phí phúc thẩm: Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các

đương sự. Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 16/03/2022, Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm, ngày 30 tháng 03 năm 2022 ông Tào Văn Đ, bà Nguyễn Thị Th kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[1.2] Ngày 02/08/2013, các nguyên đơn: ông Tào Văn Đ, ông Tào Văn Nh, ông Tào Quang Ch, ông Tào Quang Th1, ông Tào Quang Th2, cụ Nguyễn Thị Th5, bà Nguyễn Thị S, những người thừa kế của ông Tào Quang H (ông H chết năm 2003) gồm có: bà Nguyễn Thị Th, chị Tào Kim X, anh Tào Quang V; những người thừa kế của ông Tào Văn Q1 (ông Q1 chết 2010) gồm bà Nguyễn Thị U, anh Tào Văn L, anh Tào Văn S1, chị Tào Ngọc Trúc Ph khởi kiện các bị đơn gồm: ông Võ Văn Ch1, bà Lương Thị M, ông Lương Văn Ph2. Nội dung: yêu cầu trả phần đất thuộc các thửa 1584, thửa 1585, diện tích 1.197m²; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Ch1. Tòa án nhân dân huyện Tam Bình đã nhận đơn khởi kiện (do bà Th nộp) ngày 11/09/2013 (BL84) đến ngày 05/04/2016 Tòa án nhân dân huyện Tam Bình ban hành thông báo cho bà Th nộp tạm ứng án phí số tiền 7.543.700 đồng và thụ lý vụ án cùng ngày. Xét, Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo cho các nguyên đơn nộp tạm ứng án phí; thông báo miễn, giảm tạm ứng án phí cho các nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn, giảm tạm ứng án phí là vi phạm quy định khoản 3 Điều 171 Bộ luật dân sự sửa đổi bổ sung năm 2011.

[1.3] Từ sau khi thụ lý vụ án các nguyên đơn ông Tào Văn Đ, ông Tào Văn Nh, ông Tào Văn Ch, ông Tào Quang Th1, ông Tào Quang Th2, bà Nguyễn Thị S, những người thừa kế của cụ Nguyễn Thị Th5 (cụ Th5 chết năm 1995), người thừa kế của ông Tào Quang H, ông Tào Văn Q1 các đương sự không có văn bản ủy quyền cho bà Th với tư cách là người đại diện cho các nguyên đơn tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Th là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn, thông báo, xác định tư cách tham gia tố tụng của bà Th là người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn bà Th để bà Th tham gia tố tụng là không đúng với quy định tại các Điều 205, 208, 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Phạm vi khởi kiện.

Như nhận định tại [1.1]. Sau khi thụ lý vụ án ngày 05/04/2016 các nguyên đơn ông Tào Văn Đ, ông Tào Quang Nh, ông Tào Văn Ch, ông Tào Quang Th1, ông Tào Quang Th2, bà Nguyễn Thị S, những người kế thừa của ông Tào Văn Q1 (bà Nguyễn Thị U, anh Tào Văn Đ, anh Tào Văn L, anh Tào Văn S1, chị Tào Ngọc Trúc Ph); những người thừa kế của ông Tào Quang H (bà Nguyễn Thị Th, chị Tào Kim X, anh Tào Quang V) có đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/09/2016 xác định tư cách người bị kiện là ông Võ Văn Ch1 (không khởi kiện ông Lương Văn Ph2, bà Lương Thị M (BL 211) nội dung yêu cầu ông

Ch1 (bị đơn) trả phần đất 500m² thuộc thửa 1585, diện tích 567,96m² chiếc thửa 1584. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ch1.

Ngày 29/05/2017 các nguyên đơn bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu ông Ch1 trả đất (BL 213).

Ngày 08/11/2019, các nguyên đơn tiếp tục sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện. Xác định người bị kiện (bị đơn) là bà Lương Thị M và ông Lương Văn Ph2 (ông Ph2 đã chết 2011; bà Huỳnh Thị Ph1 (vợ ông Ph2 chết năm 2018) nên khởi kiện những người kế thừa và thừa kế của ông Ph2, bà Ph1 là các con của ông Ph2, bà Ph1 gồm: chị Lương Thị Thu Th3, anh Lương Thanh Q, anh Lương Huy B, anh Lương Văn M1, chị Lương Thị Thu D; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Ch1 (BL 259). Nội dung: Yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Ph1, người thừa kế của ông Ph2 và ông Ch1 giao trả phần đất tách thửa 1585 diện tích 556,4m²; tách thửa 1584, diện tích 434,6m².

Ngày 30/12/2021, bà Nguyễn Thị Th có đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung xác định người khởi kiện là bà Th (nguyên đơn) khởi kiện bị đơn là những người thừa kế ông Ph2 và bà Lương Thị M (bị đơn) nội dung: Bà Th yêu cầu Tòa án:

+ Vô hiệu một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ch1, ông Ph2, bà M đối với phần đất 687,7m² do ông Ch1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Công nhận cho bà Th quyền sử dụng đất diện tích 687,7m²; buộc ông Ch1, bà M, người thừa kế quyền của ông Ph2 trả bà Th diện tích đất 687,7m².

+ Yêu cầu ông Ch1 trả cho bà Th bồi thường do thu hồi thửa 1585+1586 với số tiền 169.211.400 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 25 ngày 16/03/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, Quyết định: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và bà Th về việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng chứng nhận quyền sử dụng đất giữa ông Ph2, bà M và ông Ch1 ngày 17/7/1988, diện tích 687,7m²; yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Th; ông Ch1 trả cho bà Th số tiền 169.241.400 đồng bồi thường do thu hồi đất.

Xét, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu bổ sung, sửa đổi đơn khởi kiện của các nguyên đơn nhưng không có thông báo thụ lý bổ sung; Việc thay đổi, bổ sung khởi kiện của các nguyên đơn có thay đổi địa vị tố tụng của các đương sự (tại đơn khởi kiện ngày 02/08/2013; đơn sửa đổi bổ sung 15/09/2016, 29/05/2017 các nguyên đơn khởi kiện bị đơn là ông Võ Văn Ch1, đến ngày 08/11/2019 các nguyên đơn bổ sung đơn khởi kiện bị đơn bà Lương Thị M, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lương Văn Ph2 là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Đồng thời, tại các đơn khởi kiện ngày 08/11/2019 các nguyên đơn vẫn khởi kiện bổ sung, không có văn bản rút đơn

khởi kiện, nhưng cấp sơ thẩm căn cứ vào đơn sửa đổi bổ sung ngày 30/11/2021 của bà Nguyễn Thị Th (nguyên đơn) để xác định là các nguyên đơn khác thay đổi yêu cầu khởi kiện và căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Th để (Vô hiệu hợp đồng, công nhận đất cho bà Th, đòi tiền đền bù) để bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên khác là ảnh hưởng đến quyền lợi của các nguyên đơn.

Tại đơn sửa đổi bổ sung ngày 30/11/2021 bà Th chỉ yêu cầu vô hiệu một phần hợp đồng chuyển nhượng của ông Ph2, ông Ch1 và bà M nhưng cấp sơ thẩm quyết định bác toàn bộ yêu cầu của bà Th về việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ph2, ông Ch1 và bà M ngày 17/7/1998 là giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự (bà Th).

[1.5] Việc đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Th đối với bà M. Xét, tại phần Quyết định của bản án số 25/2022/DS-ST, ngày 16/03/2022, Tòa án cấp thẩm vừa bác yêu cầu khởi kiện của bà Th vừa đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Th đối với bà M là không đúng vì Tòa án cấp sơ thẩm vừa đình chỉ yêu cầu khởi kiện vừa bác yêu cầu khởi kiện là không đúng vì hậu quả pháp lý đối với việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện với hậu quả pháp lý của việc rút yêu cầu khởi kiện là khác nhau theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.6] Ngày 19/5/2015, ông Tào Văn Đ, ông Tào Quang Nh, ông Tào Văn Ch, bà Nguyễn Thị S, ông Tào Quang Th2, ông Tào Quang Th1 có tờ cam kết khước từ di sản của cụ Tào Quang L, cụ Nguyễn Thị Th5. Đến năm 2016, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án các đương sự có đơn khởi kiện liên tục (từ năm 2016, 2017, 2019) yêu cầu trả đất cho các đương sự. Do đó, cần thu thập ý kiến của những người thừa kế để xác định rõ yêu cầu khởi kiện trong trường hợp yêu cầu khởi kiện được chấp nhận thì công nhận đất cho các đương sự hay họ vẫn yêu cầu được công nhận đất nhưng khước từ để cho bà Th được để xem xét giải quyết hết ý kiến, yêu cầu đương sự.

2/ Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguồn gốc đất

Đối với thửa đất số 40: Theo chứng thực lưu trữ địa chính số 2390/CTLT-TTCNTT ngày 21/12/2013 của Trung tâm công nghệ thông tin thể hiện:

+ Theo tư liệu thực hiện Chỉ thị số 299/TTg, ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ ghi nhận: thửa đất 40, diện tích $4.260m^2$, loại đất 2L là do cụ Tào Quang L kê khai và đứng tên sổ đăng ký ruộng đất. Thửa đất số 40 có biến động hiện nay là thửa 1582 diện tích $750m^2$, loại đất vườn; thửa 1583, diện tích $2.750m^2$, loại đất trồng lúa ông Tào Văn H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích $3.500m^2$ so với diện tích đăng ký kê khai ban đầu giảm $760m^2$.

Đối với thửa đất 39 diện tích $1.000m^2$, loại đất thổ cư (trong đó bà M đăng ký sổ bộ là $900m^2$; cụ T đăng ký $100m^2$) kê khai và đứng tên sổ đăng ký ruộng đất. Ngày 17/7/1988 ông Lương Văn Ph2 (con ruột cụ T), bà Lương Thị

M chuyển nhượng hoa màu và công khai phá phần đất có diện tích 2.197m² cho ông Ch1; ngày 20/03/1994 ông Ph2 ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất cho ông Ch1 với diện tích 1.730m². Ngày 18/02/2004 ông Ch1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất như sau: Thửa đất 1584, diện tích 820, loại đất vườn; thửa 1585, diện tích 500m²; thửa 1586, diện tích 460, loại thổ vườn. Tổng diện tích 1.780m². Như vậy, so sánh diện tích kê khai đăng ký ban đầu của thửa 39 (thửa cũ) là 1.000m² so với diện tích ông Ph2, bà M chuyển nhượng cho ông Ch1 tại giấy chuyển nhượng hoa màu ngày 17/7/1988 là tăng 1.197m²; so với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/3/1994 tăng 730m²; so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Ch1 được cấp năm 1994 tăng 780m².

Do đó cần phải thu thập chứng cứ làm rõ:

+Việc đăng ký biến động của thửa đất 40, thửa đất 39 qua các thời kỳ.

+ Thu thập chứng cứ làm rõ thửa đất 40 đăng ký 4.260m², hiện nay ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 3.500m², diện tích còn lại 760m² của thửa đất 40 hiện nay là thuộc thửa đất nào, do ai đăng ký kê khai và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai.

+ Trong ba thửa đất 1584, 1585, 1586 thì có thửa đất nào hoặc một phần của thửa đất nào có nguồn gốc là thửa đất 40 hoặc có nguồn gốc là thửa 39.

+ Thu thập chứng cứ làm rõ loại đất thửa 39 (bà M, cụ T kê khai là loại đất thổ cư) nhưng vì sau năm 1988 giấy chuyển nhượng thể hiện là loại hoa màu; ông Ch1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa 1584, 1585, 1586 bao gồm các loại đất: trồng lúa, đất vườn, thổ vườn.

+Xác định vị trí thửa 39 đất bà M, ông Ph2 đăng ký kê khai; vị trí phần đất ông Ph2, bà M chuyển nhượng cho ông Ch1 vào năm 1988, 1994; vị trí các thửa đất hiện nay ông Ch1 được cấp quyền sử dụng đất là có phải cùng vị trí đất hiện trạng hiện nay hay không (theo tư liệu đăng ký kê khai theo chỉ thị 299 thì thửa đất 39 có tứ cận: Đông giáp Quốc lộ 1; tây giáp thửa 40; nam giáp thửa 40, bắc giáp thửa 37+38; theo giấy chuyển nhượng hoa màu thể hiện phần đất ông Ph2, bà M chuyển nhượng cho ông Ch1 có tứ cận đông giáp Quốc lộ 1, tây giáp đất anh Sáu D, nam giáp đất anh Ba Th6, Bắc giáp anh Năm Đ2).

[2.2] Theo tài liệu chứng cứ bà Th cung cấp: Văn bản trả lời ngày 28/09/1992 (BL 581); lời khai của ông Trương Thanh T1, Huỳnh Văn H, Nguyễn Thành L1 đều xác nhận năm 1992 ông H có khiếu nại việc ông Ph2 lấn chiếm thửa đất 40 và hồ sơ đã được chuyển về UBND huyện Tam Bình. Đồng thời, tại số bản án số 22/2011/DS-ST, ngày 10/3/2011 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình nhận định:“ Tại phiên tòa hôm nay ông Ch1 khai khi ông Ch1 đăng ký kê khai quyền sử dụng đất ông H (chồng bà Th) có ngăn cản và kiện ông, được chính quyền địa phương giải quyết và ông cho rằng UBND huyện Tam Bình có biên bản làm việc và công nhận phần đất nêu trên thuộc quyền sở hữu của ông Ph2.....” nên cần thu thập tài liệu chứng cứ để xác định việc khiếu

nại của ông H có được xem xét giải quyết bằng quyết định hành chính có hiệu lực hay không.

[2.3] Ông Võ Văn Ch1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa 1584, 1585, 1586 (thửa cũ) các thửa đất này đến nay đã có biến động do thu hồi mở rộng Quốc lộ 1A, ông Ch1 đã đăng lý biến động hiện nay đang quản lý sử dụng thửa đất số 112 (thửa mới) diện tích 770,5m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm; thửa đất 113 (thửa mới), diện tích 600m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm. Cho nên cần làm rõ diện tích đất bị thu hồi thuộc vị trí phần đất cụ T, bà M đã đăng ký kê khai (1.000m²) hay ngoài vị trí đất ông Ph2, bà M đăng ký kê khai để xác định diện tích đất bị thu hồi có thuộc thửa đất 40 (thửa cũ) của cụ L đã bị lấn chiếm hay không để xem xét quyền lợi của các đương sự.

[2.4] Do vụ án có những chứng cứ liên quan đến những bản án sơ thẩm, phúc thẩm đã giải quyết trước đây và văn bản phúc đáp của các cơ quan chuyên môn. Do đó, khi giải quyết lại cần phải thu thập những cứ nêu trên đã xem xét, đánh giá chứng cứ toàn diện, khách quan.

Xét, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ không đầy đủ cấp phúc thẩm không thể bổ sung. Hội đồng xét xử quyết định hủy bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST, ngày 16/03/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định chung.

Xét, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự,

1/ Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST, ngày 16/03/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Tam Bình giải quyết lại theo quy định chung.

2/ Về chi phí tố tụng: Được xem xét giải quyết khi vụ án được giải quyết lại.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm: Được xem xét giải quyết khi vụ án được giải quyết lại.

4/Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Th, ông Tào Văn Đ không phải nộp án phí phúc thẩm.

5/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC.
- VKSND TVL.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CA TAND TVL.
- TAND.HTB
- Chi cục THADS.HTB
- Các đương sự.
- Lưu HS; TNV, TDS

(Đã ký)

Đặng Duy Mỹ Ngọc